TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24- 12 -2021
"V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thị Gấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Minh Hằng**

2. Bà **Trần Thị Mộng Lành**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số 81/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị L, sinh năm 1993;

Nơi ĐKHKTT: Ấp H X, xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Âp Cái Nước, xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G (tên gọi khác V), sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp H X, xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L có mặt; anh G vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Hồ Thị L trình bày như sau:

Chị L và anh anh Nguyễn Văn G chung sống với nhau vào năm 2012, anh chị không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng đến ngày 06/3/2013 thì có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

Vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, anh G không lo lắng cho đời sống vợ chồng, chị đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn K, sinh ngày 16/12/2013 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 05/9/2015, hiện đang sống với chị L, chị yêu cầu được nuôi 02 người con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trình bày.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản photo); 02 giấy khai sinh (Bản sao); giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (Bản chính); đơn xác nhận tình trạng nơi cư trú của bị đơn; biên bản xác minh chính quyền địa phương.

Theo kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Về quan hệ hôn nhân chị L và anh G có mâu thuẫn là đời sống chung vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài. Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Tấn K, sinh ngày 16/12/2013 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 05/9/2015, hiện nay chị L đang nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị L giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày. Anh G vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.Về nội dung

vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho chị L được ly hôn với anh G; Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Tấn K, sinh ngày 16/12/2013 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 05/9/2015, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu K (theo nguyện vọng của cháu K), ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh G và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L kết hôn với anh G trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ngày 06/3/2013, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh G vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, không thể hiện hiện ý chí hàn gắn hôn nhân, vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm chăm lo, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Tấn K, sinh ngày 16/12/2013 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 05/9/2015, chị L xin tiếp tục được nuôi 02 người con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Cháu K có nguyện

vọng được sống chung với mẹ. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Tấn Kvà cháu Nguyễn Thị Kim L cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Chị Nhi xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn K, sinh ngày 16/12/2013 (theo nguyện vọng của cháu K) và cháu Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 05/9/2015 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh G không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai đươc ngăn cản, tuy nhiên anh G không được lạm dụng quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Hồ Thị L có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0007341 ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, chị L có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/12/2021), anh G vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm